

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2021

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ven;

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 327/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Công T - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: Ấp BT, xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mỹ Ngọc H1 - Sinh năm 1998 - Địa chỉ: Ấp 3, xã MQĐ, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn ông Trần Công T trình bày và yêu cầu:

Ông và bà Trần Thị Mỹ Ngọc H1 cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh ngày 06-4-2018; Chung sống đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Ông và bà H1 đã ly thân từ năm 2019 đến nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Mỹ Ngọc H1;

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Gia P, sinh

ngày 28-4-2019, đang sống chung với ông, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là bà Trần Thị Mỹ Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

- Ngày 03-02-2021, ông Trần Công T có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn là bà Trần Thị Mỹ Ngọc H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Công T khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với bà Trần Thị Mỹ Ngọc H1; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Bị đơn là bà H1 được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của bà, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Ông T và bà H1 chung sống có đăng ký kết hôn ngày 06-4-2018 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của ông T: Ông T và bà H1 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, đã ly thân từ năm 2019 (theo trình bày của ông T); Từ khi xảy ra mâu thuẫn và ly thân đến nay ông T và bà H1 vẫn mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa ông T và bà H1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Bà H1 không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Về nuôi con chung:

[6.1] Xét việc ông T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung: Con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 28-4-2019, tuy chưa đủ 36 tháng tuổi, nhưng sống với ông T từ năm 2019 đến nay, việc thay đổi người nuôi dưỡng, môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của con chung, nên chấp nhận theo yêu cầu của ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Bà H1 không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6.2] Ông T không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[6.3] Bà H1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông T và bà H1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà H1 không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 và 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông T đã nộp đủ án phí; Bà H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Công T được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ Ngọc H1.

2. Về nuôi con chung:

- Ông Trần Công T được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 28-4-2019, đang sống với ông T.

- Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Bà Trần Thị Mỹ Ngọc H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bà H1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông T và bà H1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con

chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Công T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0008935 ngày 24-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), ông T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương